

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
Q. CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/KDTM-ST;
Ngày: 08/4/2025;
V/v: "Mua bán hàng hoá"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, TP ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Nhó
- Các hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Du
Ông Trần Đức Hiếu
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thu Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2024/TLST-KDTM ngày 07 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST-KDTM ngày 17 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2025/QĐST-KDTM ngày 07/3/2024 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 52/TB-TA ngày 18/3/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần K. Địa chỉ: Đường số F - Khu công nghiệp H, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn N, chức vụ: Giám đốc Công ty.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Văn T, chức vụ: Phòng kinh doanh Công ty cổ phần K (có mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH C. Địa chỉ: A Phong B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Xuân D, chức vụ: Giám đốc. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:**

Ngày 14/01/2022, Công ty Cổ phần K và Công ty TNHH C đã cùng nhau thống nhất hợp tác cung cấp hàng vật liệu hàn khi nhận hàng thì thanh toán tiền cho Công ty Cổ phần K. Theo đó, các bên thỏa thuận về việc cung cấp và thanh toán tiền hàng. Theo thỏa thuận, Công ty Cổ phần K đã tiến hành việc bàn giao hàng hóa mua bán giữa các bên cho Công ty

TNHH C, các bên đã tiến hành xác nhận về giá trị hàng hóa mua bán và đã cùng nhau lập Biên bản đối chiếu công nợ vào ngày 30/11/2023, theo đó, Công ty TNHH C1 còn nợ Công ty Cổ phần K số tiền là 77.600.014 đồng (Bảy mươi bảy triệu, sáu trăm ngàn, không trăm mười bốn đồng). Tuy nhiên, kể từ khi hai bên công ty lập Biên bản đối chiếu công nợ vào ngày 30/11/2023 đến nay, dù phía Công ty Cổ phần K đã nhiều lần gọi điện, gửi thông báo yêu cầu Công ty TNHH C thanh toán số tiền còn nợ nhưng Công ty TNHH C nhiều lần bất hợp tác, không chịu trả nợ cho Công ty Cổ phần K chúng tôi. Việc Công ty TNHH C không chịu trả nợ đã gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần K xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp, đồng thời đã làm ảnh hưởng đến chữ tín trong việc kinh doanh giữa các bên. Vì vậy, Công ty K khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ xem xét, giải quyết những vấn đề sau đây:

1. Yêu cầu Công ty TNHH C phải trả cho Công ty Cổ phần K số tiền 77.600.014 đồng (Bảy mươi bảy triệu, sáu trăm ngàn, không trăm mười bốn đồng) là số tiền nợ phát sinh từ Đơn hàng ngày 31/08/2023 theo Biên bản đối chiếu công nợ lập ngày 30/11/2023 giữa hai bên.

2. Yêu cầu Công ty TNHH C phải trả cho Công ty Cổ phần K số tiền lãi phát sinh từ số tiền 77.600.014 đồng (Bảy mươi bảy triệu, sáu trăm ngàn, không trăm mười bốn đồng), trong đó tính lãi vay quá hạn thanh toán trên tổng số tiền: 76.014.000, phần chênh lệch 1,586.014 là giá trị hàng tặng trong chương trình khuyến mãi nên không tính lãi vay. Việc tính lãi vay Công ty Cổ Phần K yêu cầu tính từ ngày 30/11/2023 đến ngày 08/4/2025 theo lãi xuất hiện hành như sau:

Tiền lãi vay = Tiền chịu lãi x (Lãi xuất 14,75 %/năm x số ngày chịu lãi 495 ngày) chia 365 ngày = $76.014.000 \times 14,75\% \times 495 : 365 = 15.205.403$ đ. Như vậy, tổng cộng số tiền Công ty Cổ phần K yêu cầu Công ty TNHH C phải trả cho Công ty Cổ phần K là 92.805.417 đồng.

** Bị đơn đã được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không có lời khai trong hồ sơ vụ án.*

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên Tòa án chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 196 BLTTDS về thời hạn gửi thông báo thụ lý vụ án dân sự cho bị đơn, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.*

** Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện viện kiểm sát nhân dân

quận Cẩm Lệ phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tổ tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện đề ngày thì nguyên đơn Công ty Cổ phần K yêu cầu bị đơn Công ty TNHH C phải thanh toán số tiền còn nợ theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/11/2023. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật là tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng mua bán hàng hóa.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn có trụ sở tại A Phong B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng có thẩm quyền giải quyết.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Vì vậy, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về nội dung:

[4.1] Theo Hồ sơ khách hàng KV5, hoá đơn giá trị gia tăng và các biên bản giao nhận hàng hoá nguyên đơn cung cấp thể hiện Công ty TNHH C và Công ty Cổ phần K có cùng nhau thống nhất hợp tác cung cấp hàng vật liệu hàn. Sau một thời gian hợp tác các bên đã tiến hành xác nhận về giá trị hàng hoá mua bán và lập biên bản đối chiếu công nợ vào ngày 30/11/2023. Sau khi ký biên bản đối chiếu công nợ, Công ty TNHH C không thực hiện thanh toán dù Công ty K đã gửi Thông báo nhắc nợ.

Tại phiên tòa Công ty Cổ phần K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu tính lãi. HĐXX căn cứ các chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình xác định: giữa Công ty Cổ phần K và Công ty TNHH C có giao kết quan hệ mua bán hàng hoá trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần K đã thực hiện đúng việc giao hàng, tuy nhiên Công ty TNHH C không thực hiện đúng thỏa thuận thanh toán và còn nợ lại số tiền là 77.600.014 đồng. Công ty Cổ phần K đã có văn bản yêu cầu Công ty TNHH C thanh toán số tiền còn lại là 77.600.014 đồng nhưng Công ty TNHH C vẫn không thực hiện. Việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ của bên mua quy định tại Điều 50, 55 của Luật Thương mại, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty TNHH C thanh toán số tiền hàng còn nợ là 77.600.014 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[4.2] Xét yêu cầu tính lãi từ ngày 30/11/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 08/4/2025 với số tiền là: 15.205.403 đồng (lãi suất 14,75%/năm) thì thấy: Việc mua bán hàng hoá giữa Công ty TNHH C và Công ty Cổ phần K không có thỏa thuận cụ thể tính lãi chậm thanh toán, nhưng yêu cầu tính lãi của Công ty Cổ phần K là phù hợp với Điều 306 Luật

thương mại nên được HĐXX chấp nhận. Công ty Cổ phần K căn cứ vào số tiền nợ do mua bán hàng hóa là 77.600.014 đồng để tính lãi là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Về thời điểm tính lãi: Ngày 30/11/2023 các bên ký biên bản đối chiếu công nợ. Tuy nhiên cho đến nay Công ty TNHH C vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, mốc tính lãi chậm trả từ ngày 30/11/2023.

[2.2.4] Về mức lãi suất: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đề nghị áp dụng mức lãi suất 14,75%/năm: HĐXX nhận thấy: Căn cứ vào Công văn số 02/TB-NHNo.CL ngày 07/10/2025 của Ngân hàng N1 - Chi nhánh quận C, Công văn số 10/CV-CTĐN-TH về việc cung cấp thông tin lãi suất ngày 16/01/2025 của Ngân hàng TMCP C2 - Chi nhánh Đ và Công văn số 28/CV.ĐAN-KT ngày 07/01/2025 của Ngân hàng TMCP N2 - Chi nhánh Đ về việc cung cấp thông tin lãi suất là: $(8\% + 9\% + 12,5\%)/3 \times 150\% = 14.75\%/\text{năm}$. Do mức lãi suất nguyên đơn đề nghị áp dụng bằng mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của 3 Ngân hàng: Ngân hàng N1, Ngân hàng thương mại cổ phần N2 và Ngân hàng thương mại cổ phần C2 tại thời điểm xét xử phù hợp quy định tại điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên HĐXX chấp nhận.

Do vậy, từ những nhận định trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu tính lãi phát sinh của Công ty Cổ phần K từ ngày 30/11/2023 cho đến ngày 08/4/2025 là 15.205.403 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH C phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.000.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Công ty K được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 30, 35, 39, 147, 271, 272 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 24, Điều 50, Điều 55 và Điều 306 của Luật Thương mại;
- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần K đối với Công ty TNHH C về việc tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa.

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty cổ phần C phải thanh toán cho Công ty Cổ phần K số tiền tổng cộng là 92.805.417 đồng (trong đó nợ gốc 77.600.014 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là: 15.205.403 đồng).

Kể từ ngày Công ty Cổ phần K có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty cổ phần C không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty cổ phần Công ty TNHH C phải chịu 4.640.270 đồng (bốn triệu, sáu trăm bốn mươi ngàn, hai trăm bảy mươi đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Công ty Cổ phần K được hoàn trả 3.000.000đ (ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001877 ngày 7/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Văn Nhó